

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng.
2. Ông Nguyễn Văn Tịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960; cư trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1965; cư trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông K, bà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T chung sống với nhau vào khoảng năm 1986. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tuy nhiên, ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau này khoảng cuối năm 2018 thì hai vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn

hạnh phúc. Vợ chồng ông bà không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và ông bà cũng không còn tình cảm gì với nhau nên ông bà đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2021 ông K yêu cầu chia phần kiến trúc 02 căn nhà bằng cây gỗ địa phương giá trị khoảng 10.000.000 đồng; 01 cái võ lãi compusit và 01 máy hiệu Honda 5HP giá trị khoảng 4.000.000 đồng; 01 tủ lạnh giá trị khoảng 2.000.000 đồng, 01 bộ bàn Inox giá trị khoảng 1.000.000 đồng, 01 tủ áo giá trị khoảng 2.000.000 đồng, 01 tủ chén giá trị khoảng 1.000.000 đồng, 01 bộ dán ngựa giá trị khoảng 1.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản ngày 09/12/2021, bà T yêu cầu chia phần đất nuôi trồng thủy sản khoảng 09 công (gồm 02 phần, phần thứ nhất 3,9 công và phần thứ hai 6 công) và yêu cầu ông K trả cho bà số tiền 7.650.000 đồng để bà trả nợ Ngân hàng.

Nay ông K và bà T thống nhất xác định, ông bà tự thỏa thuận ông K đồng ý giao cho bà T diện tích đất nuôi trồng thủy sản khoảng 3,9 công, trên đất có 01 căn nhà và tài sản, vật dụng trong nhà gắn liền với đất và giao cho ông K tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích khoảng 06 công, các phần đất trên tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Năm 1986, ông K và bà T chung sống trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân thực tế. Nay ông K yêu cầu ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.

Về con chung: Người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản: Ông K và bà T có yêu cầu chia tài sản chung, quá trình tố tụng tại Tòa án ông K và bà T rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, xét thấy việc rút yêu cầu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông K và bà T.

Về nợ: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Văn K phải chịu theo quy định của pháp luật, nhưng do ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T và yêu cầu chia tài sản, bà T có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, chia tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà T.

[3]. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, năm 1986 ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân thực tế. Nay ông K yêu cầu ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng ông K, bà T phát sinh mâu thuẫn, ông bà không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và ông bà cũng không còn tình cảm gì với nhau, ông bà đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.

[4]. Về con chung: Người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản: Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2021 ông Nguyễn Văn K yêu cầu chia phần kiến trúc 02 căn nhà bằng cây gỗ địa phương, 01 cái võ lãi composit, 01 máy hiệu Honda 5HP, 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn Inox, 01 tủ áo, 01 tủ chén, 01 bộ dán ngựa.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản ngày 09/12/2021, bà Trần Thị T yêu cầu chia phần đất nuôi trồng thủy sản khoảng 09 công (gồm 02 phần, phần thứ nhất 3,9 công và phần thứ hai 6 công) và yêu cầu ông K trả cho bà số tiền 7.650.000 đồng để bà trả nợ Ngân hàng.

Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại Tòa án ông K và bà T rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, xét thấy việc rút yêu cầu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông K và bà T.

Về nợ: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng, nhưng do ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn K yêu cầu chia phần kiến trúc 02 căn nhà bằng cây gỗ địa phương, 01 cái võ lãi compusit, 01 máy hiệu Honda 5HP, 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn Inox, 01 tủ áo, 01 tủ chén và 01 bộ dán ngựa.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Thị T yêu cầu chia phần đất nuôi trồng thủy sản khoảng 09 công (gồm 02 phần, phần thứ nhất 3,9 công và phần thứ hai 6 công) và yêu cầu ông K trả cho bà số tiền 7.650.000 đồng để bà trả nợ Ngân hàng.

Về nợ: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng, nhưng do ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 4.595.500 đồng theo biên lai thu số 0001917 ngày 13/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả lại toàn bộ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Tăng Giàu